

Bản án số: 169/2021/HS-PT

Ngày: 18 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội Đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy;

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Sáu;

Bà Lê T Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị T Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Cù Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 213/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo Đỗ Thị T cùng các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 267/2021/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Đỗ Thị T: sinh năm 1976; nơi cư trú: SN 1312 tầng 13, CT 1 Chung cư H, phường L, thành phố Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đỗ Việt H (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có chồng là Phạm Đình T và 02 con; Tiền án: ngày 27/3/2014 bị TAND huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 8.000.000đ về tội “Đánh bạc”; chưa thi Hành hình phạt; Tiền sự: không; Nhân thân: Tại bản án HSST số 27 ngày 22/5/2014 của TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 25 tháng về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung 6.000.000đ. Bị cáo kháng cáo. Tại bản án HSPT số 203 ngày 08/8/2014 của TAND tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngày 12/5/2017 chấp Hành xong án phí và hình phạt bổ sung. Tại bản án HSST số 235 ngày 21/9/2015 của TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp với hình phạt của bản án HSST số 27 ngày 22/5/2014 của TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp Hành hình phạt chung của hai bản án là 31 tháng tù. Ngày 03/3/2018 chấp Hành xong hình phạt tù; ngày 17/11/2015 chấp Hành xong phần dân sự (án phí); Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

2. Nguyễn Thị L: sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: SN 29^C/2 phố L, phường T, tHành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: SN 04 đường N, phường N, tHành phố Thanh Hóa; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn X H và bà Nguyễn Thị Lan; có chồng là H M H và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 27/3/2015 bị Công an phường Đ, tHành phố Thanh Hóa xử phạt Hành chính về Hành vi “Đánh bạc”; ngày 28/4/2015 nộp phạt; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

- Có 08 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h00’ ngày 09/10/2020, sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân qua đường dây nóng, Đội cảnh sát điều tra hình sự - Công an tHành phố Thanh Hóa phối hợp với Công an phường Đ kiểm tra xác M tại nh Ngô Thị H (SN 21/371 Lý Nhân Tông, phường Đ, tHành phố Thanh Hóa). Tại thời điểm kiểm tra, trong nh có Nguyễn M N (chủ nh), Ngô Thị H (vợ N), Nguyễn Thanh X, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình D, Lê X B, Lê Quang N, Lê Thị H, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T H và Lê Hoài T, nhưng không phát hiện T giữ gì.

Sau khi làm việc tại cơ quan điều tra, các đối tượng đã khai nhận đến nhà Ngô Thị H đánh bạc và tự giác giao nộp số tiền: Nguyễn Thanh X 4.060.000đ, Nguyễn Đình D 20.000đ, Nguyễn Trọng Đ 160.000đ, Nguyễn Thị T 960.000đ, Lê X B 100.000đ, Ngô Thị H 400.000đ và 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thanh Hóa tiến Hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Thị H. Quá trình khám xét T giữ tại phòng ngủ nh H 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 tập bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone màu hồng; 01 điện thoại di động Iphone màu hồng ốp màu đen; số tiền 3.617.000đ tại phía sau tủ nhựa góc tường; số tiền 2.970.000đ để trong hộp đồ và T giữ tại phòng khách 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh; 10 hộp giấy màu đỏ bên ngoài có ký tự No.1119, bên trong mỗi hộp có chứa 10 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: do không có công ăn việc làm ổn định và biết Ngô Thị H thường cho các con bạc đến nh đánh bài ăn tiền, nên khoảng 14h ngày 09/10/2020 Nguyễn Thanh X, Nguyễn Đình D đi cùng vợ là Nguyễn Thị T H, Nguyễn Trọng Đ, Lê X B đến nh H để đánh bài ăn tiền. Lúc này ít người nên B, X, Đ, D rủ nhau đánh “búa xua”. Ngô Thị H là người chuẩn bị chiếu, bài, nước uống và T tiền hồ. Đến khoảng 15h cùng ngày có thêm Lê Quang N đi cùng Nguyễn Thị L, Đỗ Thị T và Lâm Thị T Phương đến. Thấy đông người nên tất cả rủ nhau chuyển sang đánh “ba cây cầm chương” ăn tiền. Lúc sau có thêm Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T và Lê Thị Hn đến. Chơi được khoảng 15’ thì Phương Ta hết tiền nên bỏ về trước. N cũng hết tiền nhưng vay của H 500.000đ rồi ngồi chơi tiếp bị Ta còn 60.000đ thì đưa cho L (bạn gái) ngồi chơi thay rồi đi ra

ngoài hút Tót. Lúc sau T, Đ cũng hết tiền đứng dậy không chơi nữa, T, O và Hn vào thay chỗ. Cả nhóm chơi đến 16h cùng ngày thì bị phát hiện, tất cả nhanh chóng cất bài, đứng dậy dấu tiền vào người, Lê Thị H cất dấu số tiền 3.617.000đ vào phía sau tủ nhựa ở góc tường nh H nên khi kiểm tra không phát hiện, T giữ được. Sau khi khám xét nh H mới T giữ được số tiền này của Hn.

Hình thức chơi “búa xua” là dùng bộ bài tú lơ khơ 52 cây chia tHành 4 phần bằng nhau, mỗi người 13 cây. Ở mỗi lượt chơi, người chơi đánh ra lá bài có thể chặt được lá bài của người chơi trước vừa đánh ra, trường hợp không thể chặt được thì người chơi đó sẽ mất lượt. Khi không có người chặt được quân bài vừa đánh thì lượt chơi kết thúc, người vừa đánh có thể đánh ra quân bài tùy ý. Ván bài kết thúc thì người chơi thắng ở vị trí thứ nhất, nhì, ba đánh hết bài trên tay, người còn bài trên tay là người Ta cuối cùng. Người thắng được ăn cả, người về thứ hai mất 20.000đ, người về thứ ba mất 40.000đ, người về bết mất 60.000đ.

Hình thức đánh “ba cây cầm chương” là dùng bộ bài tú lơ khơ 52 cây, chỉ sử dụng từ cây Át (một) đến cây 9, gồm 36 cây, chia đều cho mỗi người chơi 03 cây, có một người được cầm chương. Người chơi phải đặt cược số tiền cao nhất là 100.000đ cho từng ván bài, kết thúc mỗi ván bài so sánh tổng điểm trên ba cây bài lớn hơn 10, lớn hơn 20 thì sẽ lấy phần lẻ. Tổng điểm ba cây bài lớn nhất được tính từ 10 điểm, rồi so tổng điểm của người chơi với tổng điểm của người cầm chương để tính thắng Ta. Nếu tổng điểm của người chơi lớn hơn tổng điểm của người cầm chương thì người cầm chương phải trả số tiền cược cho người chơi và ngược lại.

* Về số tiền đánh bạc được xác định như sau: khi đến đánh bạc, Nguyễn Thanh X mang theo 5.000.000đ, trả nợ cho Ngô Thị H 1.000.000đ vay trước đó, còn 4.000.000đ dùng để đánh bạc. Nguyễn Đức D có 1.000.000đ. Lê X B có 200.000đ. Nguyễn Trọng Đ có 160.000đ. Đỗ Thị T có 1.200.000đ. Nguyễn Thị O đem đi 400.000đ, trả nợ cho D 200.000đ, còn 200.000đ dùng để đánh bạc. Lê Thị Hn có 3.000.000đ. Nguyễn Thị T có 720.000đ. Lê Quang N có 400.000đ, sau đó vay thêm của H 500.000đ để đánh bạc. Lâm Thị T Phương có 80.000đ. Khi tham gia đánh bạc, mỗi người phải đóng cho H 100.000đ tiền hồ, nhưng có người đóng, người chưa, nên H mới T được 400.000đ.

Đối với Nguyễn M N (chồng H), Nguyễn Thị T H (vợ D) và Lê Hoài T là những người có mặt tại thời điểm kiểm tra nh H. Quá trình điều tra xác định những người này không tổ chức, không tham gia đánh bạc nên không phạm tội.

Đối với số tiền 2.970.000đ, 01 điện thoại Iphone 7 màu hồng ốp màu đen và 01 điện thoại Iphone 7 màu hồng T giữ khi khám xét nh H. Quá trình điều tra, xác định là điện thoại của Lê Thị H và Ngô Thị H, H và H không sử dụng điện thoại này vào việc phạm tội, số tiền 2.970.000đ là tiền H để chi tiêu sinh hoạt Hng ngày, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho H và H.

Bản án số 267/2021/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tHành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Ngô Thị H).

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo Đỗ Thị T).

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T).

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Trọng Đ).

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Thị L).

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Thanh X, Lê X B).

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Quang N).

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS (đối với bị cáo Lê Thị Hn).

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 BLHS (đối với bị cáo Lâm Thị T Phương).

- Điều 47 BLHS. Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban Hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên bố: bị cáo Ngô Thị H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Đỗ Thị T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Đình D, Lê X B, Lê Quang N, Lê Thị Hn, Lâm Thị T Phương phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

- Bị cáo Ngô Thị H 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Đỗ Thị T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày thi Hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thị O 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày thi Hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thị T 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Trọng Đ 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày thi Hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thị L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày thi Hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thanh X, Nguyễn Đình D, Lê X B, Lê Quang N mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Thị Hn 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa nhận được hồ sơ thi Hành án của Cơ quan thi Hành án hình sự.

- Bị cáo Lâm Thị T Phương 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu Đ).

Miễn khấu trừ T nhập cho bị cáo Lê Thị H.

Giao bị cáo Ngô Thị H cho UBND phường Đ, tHành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh X, Lê X B cho UBND xã Đông Tân, tHành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Đình D cho UBND phường Nam Ngạn, tHành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Quang N cho UBND xã THành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 68, Điều 92 của Luật Thi Hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp Hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật Thi Hành án hình sự 02 lần trở lên.

Giao bị cáo Lê Thị Hn cho UBND phường Ngọc Trạo, tHành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án phải thực hiện N vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và Luật thi Hành án hình sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 03, 05, 06/8/2021, các bị cáo Đỗ Thị T, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L kháng cáo. Theo đó, bị cáo Đỗ Thị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Trong các ngày 14, 18/10/2021, các bị cáo Nguyễn Trọng Đ và Nguyễn Thị T có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Đ và T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo L rút một phần nội dung kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị T. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L; theo đó giảm cho bị cáo L 03 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội Đ xét xử có căn cứ kết luận:

Khoảng 14h ngày 09/10/2020 Nguyễn Thanh X, Nguyễn Đình D đi cùng vợ là Nguyễn Thị T H, Nguyễn Trọng Đ, Lê X B đến nh Ngô Thị H để đánh bài ăn tiền. Lúc này do ít người nên B, X, Đ, D rủ nhau đánh “búa xua” ăn tiền. Ngô Thị H là người chuẩn bị chiếu, bài, nước uống và T tiền hồ. Đến khoảng 15h cùng ngày có thêm Lê Quang N đi cùng Nguyễn Thị L, Đỗ Thị T, và Lâm Thị T Phương đến. Thấy đông người nên tất cả rủ nhau chuyển sang đánh “ba cây cầm chương” ăn tiền. Lúc sau có thêm Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T và Lê Thị Hn đến. Chơi được khoảng 15’ thì Phương Ta hết tiền nên bỏ về trước. N cũng hết tiền nhưng vay của H 500.000đ rồi chơi tiếp bị Ta còn 60.000đ thì đưa cho L (bạn gái) chơi thay. Lúc sau T, Đ cũng hết tiền đứng dậy không chơi nữa, T, O và Hn vào thay chỗ. Cả nhóm chơi đến khoảng 16h00’ cùng ngày thì bị Công an kiểm tra. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 11.460.000đ (mười một triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn Đ), số tiền thực tế T được là 9.317.000đ (chín triệu, ba trăm mười bảy nghìn Đ).

Bị cáo Ngô Thị H khai nhận: chiều ngày 09/10/2020 H đang ở nh thì các bị cáo nói trên đến chơi và tập trung vào phòng trong muốn chơi bài ăn tiền nên H mang hai cỗ bài cho mọi người đánh bài và T tiền hồ được 400.000đ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị T, Nguyễn Thị L phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận Hành vi phạm tội, Đ ý với tội danh mà bản án sơ thẩm đã tuyên và xin Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an chung. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ TNHS chung là thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo T 15 tháng tù, bị cáo L 06 tháng tù là phù hợp pháp luật, phù hợp với Hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo T không có tình tiết giảm nhẹ TNHS mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T. Bị cáo L có nộp biên lai ủng hộ quỹ phòng chống covid-19 tại Mặt trận tổ quốc phường Nam Ngạn, tHành phố Thanh Hóa số tiền 500.000đ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do bị cáo L có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; nên thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát giảm một phần hình phạt cho bị cáo L và xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự kHn hồng của pháp luật sớm cải tạo tHành công dân có ích cho xã hội.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị T không được chấp nhận nên phải chịu án phí HSPT. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L được chấp nhận nên không phải chịu án phí HSPT; căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 của BLTTHS. Điểm b, d khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị T. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 267/2021/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tHành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa về giảm hình phạt cho bị cáo L.

1.1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày thi Hành án.

1.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày thi Hành án.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo Đỗ Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại H Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P7);
- TAND, VKS, THA TP Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thủy

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê T Hương

Lê Thị Sáu

Lê Thị Thủy

